TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ – ST.
Ngày: 08-6-2018
V/v: không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hoài

2. Bà Nguyễn Thùy Linh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Điêu Khắc Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ*** tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc *"Tranh chấp xin ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1999.

Trú tại: Số 360, khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992.

Trú tại: khu vực D, phường Đ, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 23-3-2018 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do mai mối và được gia đình chấp thuận nên chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân vào tháng 10 năm 2013, hôn nhân có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống gia đình rất đầm ấm, hạnh phúc nhưng về sau thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T hay nghi ngờ ghen tuông vô cớ, thường xuyên kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập chị, nhiều lần gia đình hai bên đã dàn xếp vợ chồng tiếp tục quay về chung sống nhưng đều không có kết quả. Đến khoảng tháng 6 năm 2017, anh T thấy tin nhắn điện thoại nghi ngờ chị nói chuyện với người đàn ông khác bên ngoài nên chị có giải thích nhưng anh T không thấu hiểu nên vợ chồng xảy ra cự cải, gây gổ nhau và anh T còn hành hung, đánh đập chị, sau đó chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở nên chị và anh T chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay chị và anh T cũng không có biện pháp hữu hiệu gì để hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm và nhận thấy không thể tiếp tục đời sống vợ chồng cùng anh T nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T chung sống có một con chung tên Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 13-4-2015, hiện chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20-4-2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị Bích T về thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, cũng như về thời gian sống ly thân. Nhưng về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày có phần đúng và phần không đúng. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn là vào khoảng tháng 06 năm 2017 khi anh đi làm về thì phát hiện trong tin nhắn điện thoại có lưu tin nhắn với nội dung xưng hô qua lại "ông xã, bà xã" nên anh có hỏi chị T là ai vậy nhưng chị T không trả lời, do tức giận nên anh có la lớn tiếng rồi vợ chồng xảy ra cự cãi, gây gổ nhau, trong lúc nóng giận do không kiềm chế được bản thân nên anh có đánh chị T một cái. Sau đó chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Sau khi sự việc xảy ra nhiều lần anh và gia đình cũng có qua khuyên chị T quay về chung sống để cùng chăm lo cho con nhưng chị T không đồng ý. Nay nhận thấy chị T không còn tình cảm và kiên quyết yêu cầu xin được ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh thống nhất ý kiến chị T trình bày là trong thời gian chung sống anh và chị Thuận có một con chung tên Nguyễn Thị Lan Anh, sinh ngày 13-4-2015. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị Thuận tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị T, mức cấp dưỡng hàng tháng số tiền là 650.000đ *(Sáu trăm năm mươi ngàn đồng)* cho đến khi con chung đủ 18 tủ.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất ý kiến chị Thuận trình bày là trong thời gian chung sống anh và chị T không có tài sản chung, nợ chung.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 13-4-2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T, mức cấp dưỡng hàng tháng số tiền là 650.000đ *(sáu trăm năm mươi ngàn đồng)*/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án *(ngày 08-6-2018)* cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp theo quy định.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn T bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10 năm 2013 cho đến ngày 23-3-2018 nhưng không đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh T là không có cơ sở, mà áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Chị T và anh T thống nhất có một người con chung tên Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 13-4-2015 hiện chị T đang nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết anh chị thỏa thuận giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị T, mức cấp dưỡng hàng tháng số tiền là 650.000đ *(Sáu trăm năm mươi ngàn đồng)* cho đến khi con chung đủ 18 tuổi được chị T đồng ý nhận. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí cấp dưỡng: Anh T phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* ***Tuyên án:***

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 13-4-2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T, mức cấp dưỡng hàng tháng số tiền là 650.000đ *(sáu trăm năm mươi ngàn đồng)*/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án *(ngày 08-6-2018)* cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho anh T không ai được quyền ngăn cản. Các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/003892 ngày 28-3-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

Anh Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* áp phí cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND Quận C;
- Chi Cục THA DS Quận C;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thị Mộng Tuyền